| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN DIỄN CHÂU**<br>**TỈNH NGHỆ AN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số **05**/2019/KDTM-ST
Ngày: 19/7/2019
*"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIỄN CHÂU - TỈNH NGHỆ AN**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán* - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Lâm

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Hoàng Minh Phương

Ông Trần Lộc

*Thư ký ghi biên bản phiên tòa*: Ông Phạm Hồng Lĩnh – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Viết Cường - Kểm sát viên.

Trong ngày 19/7/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện huyện Diễn Châu tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 07/2019/KDTM-ST ngày 22/02/2019 về "tranh chấp hợp đồng tín dụng". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/QĐST – KDTM ngày 02/7/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng thương mại cổ phần A.

Địa chỉ: số A, phố Hàng V, quận HK, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T – Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị ngân hàng TMCP A.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức T – chức vụ: Giám đốc gân hành TMCP A chi nhánh B

(Theo quyết ủy quyền số 906 ngày 26/11/2018)

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Võ Quốc T - chức vụ: Trưởng phòng khách hàng cá nhân thộc chi nhánh B.

(Theo quyết định số 520 ngày 06/12/2018 của Giám đốc Ngân hàng TMCP A chi nhánh B về việc ủy quyền lại tham gia tố tụng và thi hành án dân sự)

- *Bị đơn*: Bà Ngô Thị H, sinh năm 1968. Vắng mặt

Địa chỉ: Xóm C, xã DT, huyện D, tỉnh Nghệ An.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Anh Ngô Sỹ T, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Xóm C, xã DT, huyện D, tỉnh Nghệ An.

Hiện đang chấp hành án tại trại giam số 06 Bộ công an. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 06/12/2018 và bản tự khai và quá trình tố tụng và tại phiên tòa Nguyên đơn Ngân hàng TMCP A trình bày:

Bà Ngô Thị H vay vốn kinh doanh tại Ngân hàng TMCP A – Chi nhánh B thông qua các hợp đồng tín dụng như sau:

1. Hợp đồng tín dụng số: 01/2017/8390512/HĐTD ngày 13/10/2017

Số tiền vay: 750.000.000 đồng (Bằng chữ: Bảy trăm năm mươi triệu đồng chẵn)

Thời hạn vay 11 tháng tính từ ngày 13/10/2017 đến ngày 13/9/2018.

Mục đích: bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh.

Lãi suất của hợp đồng: từ ngày 13/10/2017 đến ngày 12/01/2018 là 7%/năm thành tiền là 13,232,877 đồng. Lãi suất tính từ ngày 13/01/2018 đến ngày 19/7/2019 với mức lãi suất 9,7%/năm trong đó lãi trong hạn là 110,021,918 đồng. Lãi quá hạn 30,794,178 đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà Ngô Thị H đã trả được 27.583.562 đồng tiền lãi trong hạn, chưa trả được khoản tiền gốc nào.

Nay bà Ngô Thị H còn nợ số tiền gốc là 750.000.000đ và tiền lãi trong hạn là 95,671,233 đồng, lãi quá hạn là 30,794,178 đồng. Tổng cả gốc và lãi tạm tính đến ngày 19/7/2019 là 876.465.411 đồng.

2. Hợp đồng tín dụng số: 02/2017/8390512/HĐTD ngày 17/10/2017.

Số tiền vay: 600.000.000đồng (Bằng chữ: Sáu trăm triệu đồng chẵn).

Mục đích: bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh.

Thời hạn: 11 tháng từ ngày 17/10/2017 đến ngày 17/9/2018.

Lãi suất theo thỏa thuận trong hợp đồng và sự điều chỉnh của ngân hàng cụ thể: Lãi suất 7%/năm tính từ ngày 17/10/2017 đến ngày 16/01/2018 thành tiền là 10,586,301 đồng. Lãi suất 9,7%/năm tính từ ngày 17/01/2018 đến ngày 17/9/2019 trong đó lãi trong hạn là 87,379,726 đồng, lãi quá hạn là 24,316,438 đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà Ngô Thị H đã trả được 26.372.055 đồng tiền lãi trong hạn, chưa trả được khoản tiền gốc nào. Nay bà Hoa còn nợ số tiền gốc là 600.000.000đ và số tiền lãi trong hạn, quá hạn tạm tính đến ngày 19/7/2019 là 95,910,410 đồng.

- Tài sản đảm bảo khoản vay: Tất cả các khoản vay của bà Ngô Thị H được bảo đảm bằng tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất cụ thể như sau:

1. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số CB 942513 do UBND huyện D cấp ngày 28/01/2016 cho bà Ngô Thị H đã được lập thành hợp đồng thế chấp số 01/2016/8390512/HĐBĐ giữa bà Ngô Thị H với Ngân hàng TMCP A Chi nhánh B

2. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số CB 942512 do UBND huyện D cấp ngày 28/01/2016 cho ông Ngô Sỹ T đã được lập thành hợp đồng thế chấp số 01/2017/8390512/HĐBĐ giữa bên thế chấp ông Ngô Sỹ T bên được bảo đảm bà Ngô Thị H với Ngân hàng TMCP A - Chi nhánh B

3. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số BK 366670 do UBND huyện D cấp ngày 24/05/2012 cho Ông Võ Văn H và bà Trương Thị H đã được lập thành hợp đồng thế chấp số 02/2016/8390512/HĐBĐ giữa bên thế chấp ông Võ Văn H và bà Trương Thị H, bên được bảo đảm bà Ngô Thị H với Ngân hàng TMCP A - Chi nhánh B

Tài sản này đã được ngân hàng giải chấp ngày 02/11/2017, do ngày 02/11/2017 bà Ngô Thị H đã thanh toán với số tiền gốc: 600.000.000 VND (Sáu trăm triệu đồng) vào hợp đồng tín dụng đã vay trước đó theo hợp đồng tín dụng số 02/2016/8390512/HĐTD ngày 16/12/2016.

Tại phiên tòa đại diện Ngân hàng TMCP A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án buộc bà Ngô Thị H trả nợ theo hợp đồng tín dụng 01/2017/8390512/HĐTD ngày 13/10/2017 số tiền gốc là 750.000.000đ và tiền lãi trong hạn và quá hạn tính đến ngày 19/7/2019 là 126,465,411 đồng, tổng cả gốc và lãi là 876.465.411 đồng. Theo hợp đồng tín dụng số 02/2017/8390512/HĐTD ngày 17/10/2017 tiền gốc là 600.000.000đ và số tiền lãi trong hạn, quá hạn tạm tính đến ngày 19/7/2019 là 95,910,410 đồng. Ngân hàng yêu cầu bà H tiếp tục thanh toán tiền lãi suất theo thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi trả hết nợ. Nếu bà H không trả được nợ đề nghị Tòa án kê biên tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho ngân hàng.

- Bị đơn bà Ngô Thị H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập làm việc, bà Ngô Thị H có mặt tại địa phương nhưng từ chối nhận văn bản tố tụng, sau nhiều lần Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng nhưng bà H đã trốn tránh không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, do đó không có lời khai của bà Ngô Thị H.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Ngô Sỹ T trình bày: Anh Ngô Sỹ T có ủy quyền cho bà Ngô Thị H là mẹ anh T ký hợp đồng thế chấp để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ cho hợp đồng tín dụng số 01/2017/8390512/HĐTD ngày 13/10/2017. Tài sản bảo đảm là thửa đất số 390 tờ bản đồ số 13 diện tích 238,4$m^2$ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB942512 ngày 28/01/2016 mang tên Ngô Sỹ T. Nay do hoàn cảnh kinh tế khó khăn anh T xin được giữu lại

nhà và đất để ở, khi nào chấp hành án xong sẽ trả nợ cho ngân hàng. Do đang chấp hành án tại trại giam số 06 Bộ công an, anh T xin Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt anh.

- Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp số 01/2016/8390512/HĐBĐ giữa bà Ngô Thị H với Ngân hàng TMCP A Chi nhánh B Tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 01/2017/8390512/HĐBĐ giữa bên thế chấp ông Ngô Sỹ T, bên được bảo đảm bà Ngô Thị H với Ngân hàng TMCP A - Chi nhánh B. Hiện trạng tài sản thế chấp được giữ nguyên, không có sự dịch chuyển hay phát sinh thêm công trình gì trên tài sản thế chấp.

*Đại diện VKS phát biểu ý kiến:*

Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật Tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu; Nguyên đơn chấp hành các quy định tai Điều 70, 71 của BLTTDS. Bị đơn không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, ý kiến tranh luận tại phiên tòa, xét các hợp đồng thế chấp tài sản, hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên. Tại thời điểm ký kết các hợp đồng các bên đều đủ năng lực hành vi dân sự, không bên nào bị hạn chế năng lực hàn vi dân sự, việc ký kết hai bên hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc, hợp đồng đăng ký thế chấp tài sản và đăng ký thế chấp QSDĐ đã thực hiện đều đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Quá trình thực hiện bên vay tài sản bà Ngô Thị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn yêu cầu bà Ngô Thị H trả nợ số tiền tạm tính đến ngày 05/3/2019 như sau:

- Nợ gốc: 1.350.000.000 đồng.

- Nợ lãi trong hạn: 118.472.452 đồng.

- Lãi quá hạn: (lãi phạt): 30.714.452 đồng

- Tổng nợ: 1.499.187.328 đồng.

Ngân hàng yêu cầu bà Ngô Thị H tiếp tục trả tiền lãi theo hợp đồng cho đến khi thanh toán hết nợ. Trường hợp bà Ngô Thị H không trả được nợ thì phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Do đó, đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và các Điều 274, 275, 278, 280, 292, 299, 320, 322, 463, 465, 466, 468 BLDS năm 2015. Điều 147 BLTTDS năm 2015. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 đề nghị xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP ĐA. Buộc bà Ngô Thị H trả số tiền gốc và nợ lãi là 1.499.187.328 đồng tính đến ngày 05/3/2019 và chấp nhận khoản nợ phát sinh theo yêu cầu của Ngân hàng. Xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp và theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

**- Về tố tụng:**

[1]. Về thẩm quyền của Tòa án: Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo khoản 1 Điều 30 BLTTDS. Bị đơn bà Ngô Thị H có nơi cư trú tại xóm C, xã DT, huyện D tỉnh Nghệ An. Căn cứ các Điều 35, Điều 39 của BLTTDS Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu tỉnh Nghệ An có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2]. Bị đơn bà Ngô Thị H đã được Tòa án tống đạt thông báo phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà H có mặt nhưng từ chối nhận văn bản nên không có mặt theo thông báo của Tòa án để tiến hành phiên họp và hòa giải, anh Ngô Sỹ T hiện đang chấp hành án tại trại giam số 6 Bộ Công an có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt. Do đó vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2 đối với bị đơn bà Ngô Thị H tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm nhưng bà H không có mặt. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Ngô Sỹ T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn bà Ngô Thị H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Ngô Sỹ T.

**- Về nội dung:**

[3]. Về hợp đồng tín dụng đã ký kết: Khi giao kết các hợp đồng tín dụng số 01/2017/8390512/HĐTD ngày 13/10/2017 và hợp đồng tín dụng số 02/2017/8390512/HĐTD ngày 17/10/2017 nguyên đơn và bị đơn có đầy đủ năng lực pháp luật, các bên đã tuân thủ đầy đủ quy định tại Điều 117, 119 BLDS năm 2015 nên hai hợp đồng tín dụng là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ, các bên phải tuân thủ các thỏa thuận trong hợp đồng.

[4]. Về hợp đồng thế chấp đã ký kết. Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng TMCP A và bà Ngô Thị H đã ký kết hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2016/8390512/HĐBĐ ngày 23/3/2016. Ngân hàng TMCP A ký kết với anh Ngô Sỹ T hợp đồng thế chấp bất động sản của bên thứ ba số 01/2017/8390512/HĐBĐ ngày 13/10/2017. Cả hai hợp đồng thế chấp đều tuân thủ đúng quy định tai các Điều 323, 342, 343 và 716 của Bộ Luật Dân Sự 2005 và các Điều 298,317, 318 và Điều 319 của Bộ luật dân sự 2015, Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm được sửa đổi bổ sung theo Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ. Hai hợp đồng thế chấp trên đã được công chứng và

đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện D. Vì vậy, Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2016/8390512/HĐBĐ ngày 23/3/2016 và hợp đồng thế chấp số 01/2017/8390512/HĐBĐ ngày 13/10/2017 là hợp pháp.

[5]. Đối với hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2016/8390512/HĐBĐ giữa bên thế chấp ông Võ Văn H và bà Trương Thị H, bên được bảo đảm bà Ngô Thị H với Ngân hàng TMCP A- Chi nhánh B. Tài sản này đã được BIDV giải chấp ngày 02/11/2017, do ngày 02/11/2017 bà Ngô Thị H đã thanh toán với số tiền gốc: 600.000.000 VND (Sáu trăm triệu đồng) vào hợp đồng tín dụng đã vay trước đó theo hợp đồng tín dụng số 02/2016/8390512/HĐTD ngày 16/12/2016. HĐXX không xem xét.

[6]. Về yêu cầu trả nợ của nguyên đơn: Quá trình thực hiện hai hợp đồng tín dụng bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết, mới trả được được 27.583.562 đồng tiền lãi trong hạn của hợp đồng tín dụng số 01/2017/8390512/HĐTD ngày 13/10/2017, trả được 26.372.055 đồng tiền lãi trong hạn của hợp đồng tín dụng số 02/2017/8390512/HĐTD ngày 17/10/2017. Bà H đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền nợ gốc và lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng vi phạm Điều 7 của Hợp đồng tín dụng, Điều 4 và Điều 9 của Điều kiện và Điều khoản vay đính kèm theo hợp đồng tín dụng.

Xét số tiền ngân hàng yêu cầu bà Ngô Thị H phải trả nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm theo hợp đồng tín dụng 01/2017/8390512/HĐTD ngày 13/10/2017 số tiền gốc là 750.000.000đ và tiền lãi trong hạn và quá hạn tính đến ngày 19/7/2019 là 126,465,411 đồng, tổng cả gốc và lãi là 876.465.411 đồng. Theo hợp đồng tín dụng số 02/2017/8390512/HĐTD ngày 17/10/2017 tiền gốc là 600.000.000đ và số tiền lãi trong hạn, quá hạn tạm tính đến ngày 19/7/2019 là 95,910,410 đồng. Tổng số tiền gốc của cả hai hợp đồng tín dụng là 1.350.000.000đ (một tỷ ba trăn năm mươi triệu đồng) và tiền lãi trong hạn, quá hạn của cả hai hợp đồng tính đến ngày 19/7/2019 là 222,375,821 đồng (Hai trăn hai hai triệu ba trăm bảy lăm nghìn tám trăm hai mốt đồng). Tổng cả gốc và lãi là 1.572.375.821đồng. Ngân hàng yêu cầu bà H tiếp tục thanh toán tiền lãi suất theo thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi trả hết nợ. Lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng phù hợp với quy định tại Điều 468 BLDS năm 2015, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng "Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất theo quy định của pháp luật".

Vì vậy, yêu cầu của ngân hàng buộc bà Ngô Thị H trả nợ số tiền như trên là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

[7]. Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm: Do bà Ngô Thị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo đúng cam kết trong hợp đồng tín dụng. Ngân hàng có quyền xử lý tài sản bảo đảm theo quy định tại Điều 10 Hợp đồng thế chấp bất động sản mà các bên đã ký kết. Việc thỏa thuận về sử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng và bà Hoa phù hợp với quy định tại Điều 299, 317, 319 của BLDS năm 2015 do đó HĐXX chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng.

[8] Về án phí: Theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ngân hàng không phải chịu án phí sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng số tiền 21.765.000đ đã nộp theo biên lai AA/2018/0000863 ngày 21/02/2019 tại Chi cục thi hành án huyện D, tỉnh Nghệ An. Buộc bà Ngô Thị H phải chịu 59.171.000 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

[9]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1, Điều 30, khoản 1, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1, Điều 30, khoản 1, Điều 35, Điều 39 và Điều 147của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 274, 275, 280, 317, 318, 319, 323, 398, 463, 466, 468 và của Bộ luật Dân sự 2015; Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm được sửa đổi bổ sung theo Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ.

- Căn cứ khoản 16 Điều 4, Điều 91và Điều 95 Luật các Tổ chức Tín dụng.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

**1.** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A

**2.** Buộc bà Ngô Thị H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A.

Khoản tiền nợ tính đến hết ngày 19/7/2019 gồm:

- Hợp đồng tín dụng 01/2017/8390512/HĐTD ngày 13/10/2017 số tiền gốc là 750.000.000 đồng (Bảy trăm năm mươ triệu đồng) và tiền lãi trong hạn và quá hạn tính đến ngày 19/7/2019 là 126,465,411 đồng (một trăm hai sáu triệu bốn trăm sáu lăm nghìn bốn trăm mười một đồng). Tổng cả gốc và lãi là 876.465.411 đồng (Tám trăm bảy sáu triệu bốn trăm sáu lăm nghìn bốn trăn mười một đồng).

- Hợp đồng tín dụng số 02/2017/8390512/HĐTD ngày 17/10/2017 tiền gốc là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) và số tiền lãi trong hạn, quá hạn tính đến ngày 19/7/2019 là 95,910,410 đồng (chín lăm triệu chín trăm mười nghìn bốn trăm mười đồng). Tổng cả gốc và lãi là 695.910.410 đồng (sáu trăm chín lăm triệu chín trăm mười nghìn bốn trăm mười một đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án, bà Ngô Thị H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thương mại cổ phần A thì lãi suất mà bà H vẫn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần A theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

Trường hợp bà Ngô Thị H không thực hiện việc trả toàn bộ khoản tiền nợ nói trên cho Ngân hàng TMCP A có quyền tự mình hoặc yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp, theo quy định của pháp luật, để thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản tiền trên cho Ngân hàng TMCP A

Các tài sản thế chấp được xử lý là:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số CB 942513 do UBND huyện D cấp ngày 28/01/2016 cho bà Ngô Thị H đã được lập thành hợp đồng thế chấp số 01/2016/8390512/HĐBĐ giữa bà Ngô Thị H với Ngân hàng TMCP A Chi nhánh B.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số CB 942512 do UBND huyện D cấp ngày 28/01/2016 cho ông Ngô Sỹ T đã được lập thành hợp đồng thế chấp số 01/2017/8390512/HĐBĐ giữa bên thế chấp ông Ngô Sỹ T, bên được bảo đảm bà Ngô Thị H với Ngân hàng TMCP A - Chi nhánh B

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A thì bà Ngô Thị H phải trả tiếp phần còn thiếu đó cho đến khi trả xong toàn bộ số nợ.

**3.**Về án phí sơ thẩm: Trả lại cho Ngân hàng số tiền 21.675.000đ đã nộp theo biên lai AA/2018/0000863 ngày 21/02/2019 tại Chi cục thi hành án huyện D, tỉnh Nghệ An. Buộc bà Ngô Thị H phải chịu 59.171.000 đồng (Năm chín triệu một trăm bảy mốt nghìn đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

**4**. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ bản án.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND huyện Diễn Châu;
- THADS;
- TAND tỉnh Nghệ An
- Lưu VP, HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
*(đã ký)*

**Nguyễn Đình Lâm**